

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: **40/2020/HN-ST**

Ngày: 28/7/2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2020/TLST - HNGĐ ngày 09/3/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST - HN ngày 14/5/2020; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 53/2020/TB – TA ngày 04/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2020/QĐST–HNGĐ ngày 06/7/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị B, sinh năm: 1972. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Anh Phạm Văn P, sinh năm: 1975. (Vắng mặt lần 2, không có lý do)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã ĐHB, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị B trình bày và yêu cầu như sau: Chị và anh Phạm văn P chung sống với nhau từ năm 1999. Vợ chồng có đi thực hiện việc đăng ký kết hôn và được UBND xã ĐHB, huyện An Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/01/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại ấp A, xã ĐH cho đến khi vợ chồng không còn sống chung nữa.

Trong quá trình vợ chồng chung sống thì vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P thường xuyên say rượu, nghi ngờ ghen

tuông vô cớ, chửi vợ trước mặt đông người. Anh P thường xuyên hăm dọa, lấy dao kề cổ và có đôi lúc dùng ghế đánh chị, khóa trái cửa không cho chị ra ngoài... Chị đã cho anh P rất nhiều cơ hội, chị và anh P từng có thời gian ly thân kéo dài khoảng 01 năm nhưng anh P vẫn không thay đổi.

Chị xác định, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã kéo dài hơn 10 năm nay, chị xét thấy vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, hôn nhân giữa chị và anh P không thể hàn gắn được nữa.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Hữu V, sinh ngày 23/9/1999. Hiện nay cháu đã đủ tuổi trưởng thành và tự lao động sinh sống được.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị B xác nhận không có tranh chấp.

Do xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Hiện nay cháu Vương đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị B xác nhận không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn P trình bày như sau:* Anh P xác nhận, anh và chị B chung sống từ năm 1999 và được UBND xã Đông Hưng B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/01/1999. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như chị B trình bày là đúng.

Nhưng anh P xét thấy, hiện nay tình cảm vợ chồng vẫn còn, có thể hàn gắn được, anh sẽ khắc phục các khuyết điểm của anh nên anh không đồng ý ly hôn với chị B.

- Về con chung: Hiện nay cháu Vương đã trưởng thành, anh không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh P xác nhận không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Chị B yêu cầu được ly hôn với anh P; về con chung, tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Anh P vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh và đúng quy định; phía bị đơn chấp hành pháp luật tố tụng chưa đảm bảo, vắng mặt không có lời trình bày tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Bùi Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn P là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị B khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh P đang cư trú và sinh sống tại ấp A, xã ĐHB, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án đã triệu tập anh P tham gia phiên tòa sơ thẩm lần hai nhưng anh P vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trường hợp vắng mặt của anh P không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị B và anh P chung sống với nhau từ năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐHB, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang vào ngày 04/01/1999 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị B về việc ly hôn với anh P, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị B và anh P xác nhận sau khi kết hôn thì trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã kéo dài đến nay hơn 10 năm nguyên nhân là do anh P ghen tuông vô cớ, thường xuyên say rượu, đánh đập và hăm dọa chị. Qua nội dung xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh chị tại địa phương cho thấy mâu thuẫn xảy ra giữa vợ chồng anh chị trong thời gian chung sống là có thật (có xác nhận của chính quyền địa phương).

Đồng thời, theo như lời trình bày của chị B thì giữa anh chị đã ly thân với nhau nhiều lần, mỗi lần kéo dài khoảng 01 năm mục đích là để anh P thay đổi nhưng

đến nay anh vẫn không thay đổi nên chị B cương quyết ly hôn với anh P mặc dù anh P không đồng ý ly hôn với chị B.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm động viên anh chị trở về chung sống nhưng chị B cương quyết ly hôn. HĐXX xét thấy, hôn nhân của anh chị hiện nay đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị B và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị B được ly hôn với anh P.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị B và anh P xác nhận, anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Hữu V (sinh ngày 23/9/1999, giới tính nam) hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị B và anh P xác định không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, có phát sinh nợ chung trong thời gian hôn nhân của chị B và anh P thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc chị Bùi Thị B phải chịu án phí ly hôn với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Bùi Thị B được ly hôn với anh Phạm Văn P.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc chị Bùi Thị B chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0007735 ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị B không phải nộp thêm.

3. *Quyền kháng cáo*: Chị B có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 28/7/2020*).

Riêng anh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã **DHB**.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh